Tra cứu Biểu thuế XNK Việt Nam

Chi tiết mã HS 8438.80.22

Mã HS	8438.80.22
Mô tả hàng hóa	Máy chế biến công nghiệp hoặc sản xuất thực phẩm hoặc đồ uống, chưa được ghi hoặc chi tiết ở nơi khác trong Chương này, trừ các loại máy để chiết xuất hoặc chế biến dầu hoặc mỡ động vật hoặc dầu hoặc chất béo không bay hơi của thực vật hoặc vi sinh vật / - Máy khác: / - - Máy chế biến cá, động vật giáp xác hoặc động vật thân mềm: / - - - Không hoạt động bằng điện
Đơn vị	chiếc
Thời điểm tạo	05/11/2026 23:02:04
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/84388022/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	5	5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K13838
Thuế NK ưu đãi (MFN)	0	0%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N13838
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q13838
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái

AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ACFTA	0 (-KH)	0% (trừ KH)	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E13148
ATIGA	2022	2022	0	AT!E13089
ATIGA	2023	2023	0	AT!F13089
ATIGA	2024	2024	0	AT!G13089
ATIGA	2025	2025	0	AT!H13089
ATIGA	2026	2026	0	AT!I13089
ATIGA	2027	2027	0	AT!J13089
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E13143
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F13143
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G13143
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H13143

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I13143
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J13143
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E13144
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F13144
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G13144
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H13144
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I13144
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J13144
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F13147
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H13095
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F13103
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G13103
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H13103
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I13103
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J13103
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K13103
VKFTA	2022	2022	0	VK!E13134
VKFTA	2023	2023	0	VK!F13134
VKFTA	2024	2024	0	VK!G13134
VKFTA	2025	2025	0	VK!H13134
VKFTA	2026	2026	0	VK!I13134
VKFTA	2027	2027	0	VK!J13134
VCFTA	2022	2022	0	VC!D13183
VCFTA	2023	2023	0	VC!E13183
VCFTA	2024	2024	0	VC!F13183
VCFTA	2025	2025	0	VC!G13183

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2026	2026	0	VC!H13183
VCFTA	2027	2027	0	VC!I13183
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D13166
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E13166
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F13166
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G13166
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H13166
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I13166
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D13166
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E13166
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F13166
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G13166
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H13166
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I13166
EVFTA	2022	2022	0	EV-NK!D13181
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E13181
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F13181
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G13181
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H13181
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I13181
UKVFTA	2022	2022	0	UKV!D13180
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E13180
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F13180
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G13180
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H13180
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I13180

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D13160
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E13160
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F13160
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G13160
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H13160
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I13160
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J13160
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D13168
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E13168
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F13168
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G13168
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H13168
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I13168
RCEP B	2022	2022	0	B!D13168
RCEP B	2023	2023	0	B!E13168
RCEP B	2024	2024	0	B!F13168
RCEP B	2025	2025	0	B!G13168
RCEP B	2026	2026	0	B!H13168
RCEP B	2027	2027	0	B!I13168
RCEP C	2022	2022	0	C!D13168
RCEP C	2023	2023	0	C!E13168
RCEP C	2024	2024	0	C!F13168
RCEP C	2025	2025	0	C!G13168
RCEP C	2026	2026	0	C!H13168
RCEP C	2027	2027	0	C!I13168
RCEP D	2022	2022	0	D!D13167

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP D	2023	2023	0	D!E13167
RCEP D	2024	2024	0	D!F13167
RCEP D	2025	2025	0	D!G13167
RCEP D	2026	2026	0	D!H13167
RCEP D	2027	2027	0	D!I13167
RCEP E	2022	2022	0	E!D13171
RCEP E	2023	2023	0	E!E13171
RCEP E	2024	2024	0	E!F13171
RCEP E	2025	2025	0	E!G13171
RCEP E	2026	2026	0	E!H13171
RCEP E	2027	2027	0	E!I13171
RCEP F	2022	2022	0	F!D13168
RCEP F	2023	2023	0	F!E13168
RCEP F	2024	2024	0	F!F13168
RCEP F	2025	2025	0	F!G13168
RCEP F	2026	2026	0	F!H13168
RCEP F	2027	2027	0	F!I13168
VIFTA	2024	2024	0	VI!F12216
VIFTA	2025	2025	0	VI!G12216
VIFTA	2026	2026	0	VI!H12216
VIFTA	2027	2027	0	VI!I12216

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh

HS-003	YELLOW	Classification Review Required – có các dòng thuế tương tự	Phân nhóm 8438.80 có 6 dòng thuế; dòng 8438.80.22 được phân biệt với các dòng khác theo mô tả: Không hoạt động bằng điện.	8438.80.11 Hoạt động bằng điện; 8438.80.12 Không hoạt động bằng điện; 8438.80.21 Hoạt động bằng điện; 8438.80.91 Hoạt động bằng điện; 8438.80.92 Không hoạt động bằng điện	31/2022/TT-BTC	Xác minh các đặc điểm phân biệt; cân nhắc đề nghị xác định trước mã số nếu chưa chắc chắn.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 8438.80.22. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 0% của mã 8438.80.22 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N13838), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.